

IDENTIFYING SOME FACTORS AFFECTING THE DROPOUT SITUATION OF JUNIOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN ETHNIC MINORITY AREAS IN OUR COUNTRY TODAY

Ngo Thi Trinh^a
Tran Ngoc Ngan^b

^a Vietnam Academy for Ethnic Minorities
Email: trinhnt@hvdt.edu.vn

^b Academy for Politics, Ministry of National Defense
Email: nganhvct683@gmail.com

Received: 24/5/2023; Reviewed: 20/7/2023; Revised: 07/8/2023; Accepted: 25/8/2023; Released: 30/9/2023
DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/187>

Research on the factors affecting the dropout of junior high school students in ethnic minority areas in our country is currently one of the important tasks, providing scientific and practical bases as a basis for proposing solutions and making recommendations to the Government, ministries, branches and localities to reduce the dropout of junior high school ethnic minority students, contributing to improving the quality of human resources in ethnic minority areas, meeting the requirements and tasks of socio-economic development set out in the current context of accelerating industrialization, modernization and international integration.

Keywords: *Identifying; Affected factors; School dropout situation; Ethnic minority; Junior high school students; Ethnic minority areas.*

1. Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại và phát triển đất nước. Ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS) nước ta, nguồn nhân lực dân tộc thiểu số là nhân tố trung tâm, có vai trò quyết định đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Trong sự nghiệp cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt ưu tiên đầu tư, phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ phát triển đất nước. Ngay từ những ngày mới độc lập, cho đến ngày nay, Đảng và Nhà nước ta đã có các chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng. Tuy nhiên, ở các vùng DTTS, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới tình trạng trường học nhà tranh vách nứa vẫn còn, điểm trường nằm ở xa khu dân cư, tình trạng trẻ em bỏ học các em bỏ học để phụ giúp gia đình và đi làm công nhân rất nhiều... Do đó, bài viết tập trung vào hai vấn đề chủ yếu: Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh và gợi ý một số chính sách phù hợp để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục, giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

Ở Việt Nam, từ sau năm 1986, những chuyển đổi

từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường đã đặt ra nhiều vấn đề trong phát triển giáo dục. Cùng với đó là các nhà nghiên cứu cũng đã bắt đầu quan tâm đến lĩnh vực này, tiêu biểu như: Đặng Văn Minh, (1992), “Khảo sát tình hình lưu ban, bỏ học của học sinh hai trường vùng ven Thành phố Hồ Chí Minh”, Viện Nghiên cứu Giáo dục; Thái Duy Tuyên, “Hiện tượng lưu ban, bỏ học: Thực trạng, nguyên nhân, vấn đề và biện pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 242, 1992, trang 4-6; Phạm Thanh Bình, “Về nguyên nhân và biện pháp chống bỏ học”, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 242, 1992, trang 31-32; Hồ Thiệu Hùng, “Vấn đề lưu ban, bỏ học ở Thành Phố Hồ Chí Minh”, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 242, 1992, trang 11-12; Lê Thị Huyền, “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị”, Trang Thông tin điện tử Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị, ngày 06/03/2023... Trong những năm gần đây, nhiều nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này tiếp tục được công bố, điển hình như: Lâm Bạch Vân (2015), “Một số giải pháp nâng cao ý thức học tập và giảm tỉ lệ bỏ học trong học sinh, sinh viên, Sáng kiến kinh nghiệm”, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang; Lê Công Tâm, “Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh tại tỉnh Bình Phước”,

Tạp chí Công Thương, 2017; Trần Thị Yên (đồng tác giả), “Chính sách cử tuyển những vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực thi”, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 02/2/2018; Hà Đức Đà, “Phân luồng sau Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số”, Kỷ yếu Hội nghị tổng kết Nghị quyết 24/ NQ- TW về công tác dân tộc, 2019; Hà Đức Đà (đồng tác giả), “Đổi mới chế độ cử tuyển đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tại chỗ người dân tộc thiểu số”, Tạp chí Giáo dục, tháng 4/2018; Trần Thị Yên (đồng tác giả, 2019), “Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ em người dân tộc thiểu số trong giáo dục: Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn”, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 17, tháng 5/2019; Trần Thị Yên, “Nghiên cứu học sinh người dân tộc thiểu số cấp Trung học cơ sở bỏ học: Thực trạng và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Lý Luận, số 27, 2020... Như vậy, điếm qua các công trình nghiên cứu về tình trạng bỏ học của trẻ em cho thấy các công trình nghiên cứu về chủ đề này chưa nhiều. Hầu hết, những nhận xét, đánh giá về tình trạng bỏ học, cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng này còn đơn lẻ, manh mún, trong khi nghiên cứu ở các vấn đề khác lớn hơn. Vì vậy, khi nghiên cứu về chủ đề “Nhận diện một số yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay”, tác giả hy vọng sẽ cung cấp thêm những tư liệu mới và cách nhìn tổng quát hơn về vấn đề này, góp phần nhận diện ra các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh Trung học cơ sở (THCS) vùng DTTS, từ đó giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh THCS ở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống và các phương pháp cụ thể như: Phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp thu thập thông tin từ các nguồn tài liệu thứ cấp, từ đó phân tích, chọn lọc các thông tin phù hợp để phục vụ cho nội dung nghiên cứu. Bên cạnh đó, bài viết cũng tiếp cận dựa trên quan điểm tộc người để tìm luận cứ chứng minh cho nội dung nghiên cứu.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Tình trạng bỏ học của học sinh Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời gian qua

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực thi nhiều chính sách ưu tiên nhằm tạo nguồn, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số. Hiện nay, cả nước có gần 21,6 nghìn trường học và 26,5 nghìn điểm trường vùng DTTS, tương ứng tăng hơn 3,8 nghìn trường và giảm 2,3

nghìn điểm trường so với năm 2015. Tỷ lệ trường học kiên cố đã đạt 91,3% (tăng 14,2 điểm phần trăm so với năm 2015), trong khi đó tỷ lệ điểm trường được xây dựng kiên cố chỉ đạt 54,4%. Tỷ lệ trường và điểm trường kiên cố tăng dần theo các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông. Mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, tình cảm, nhận thức xã hội và thẩm mỹ cho trẻ em nhưng là cấp có tỷ lệ trường và điểm trường kiên cố thấp nhất trong các cấp học. Ở cấp tiểu học, có tổng số 6,4 nghìn trường và gần 10,9 nghìn điểm trường. Cấp trung học cơ sở có 4,1 nghìn trường và 646 điểm trường, trong khi trung học phổ thông có 884 trường và 64 điểm trường. Điểm đặc thù trong giáo dục phổ thông của các DTTS là các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú. Mô hình này đã góp phần tăng cơ hội đến trường của trẻ em, nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS. Có tổng số 280 trường nội trú và 357 trường bán trú với tỷ lệ 47 trường kiên cố đạt hơn 93%, trong đó đáng chú ý là có 15 trường phổ thông dân tộc nội trú tại khu vực các xã vùng biên giới với tỷ lệ trường học và phòng học kiên cố đạt 100%; điều này cho thấy sự quan tâm của Nhà nước tới giáo dục tại các vùng dân tộc thiểu số và biên giới. Nhờ vậy, đến nay, trình độ dân trí của vùng dân tộc thiểu số đã được nâng lên đáng kể. Hầu hết, các dân tộc đã đạt hoặc vượt mục tiêu “Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học trên 94%. Tỷ lệ trẻ em đi học đúng tuổi 25 cấp tiểu học của 53 DTTS đạt 96,9%, vượt mục tiêu “Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học đạt trên 94%” theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015. Tuy nhiên, ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ tái mù chữ còn cao, tình trạng học sinh bỏ học còn nhiều, nhất là học sinh nữ con em các gia đình nghèo. Một số dân tộc ít người chưa có người tốt nghiệp trung học phổ thông.

Theo báo cáo của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, trong giai đoạn năm 2016-2019, tỷ lệ học sinh THCS người DTTS bỏ học đã giảm dần, từ 1,48% năm 2016 xuống 1,13% năm 2019. Tuy đã giảm nhưng mỗi năm vẫn có hàng nghìn học sinh DTTS cấp THCS trên cả nước bỏ học. Giữa các vùng miền, tỷ lệ học sinh bỏ học khác nhau: Trung du và miền núi phía Bắc tỷ lệ bỏ học thấp (thấp hơn tỷ lệ chung của cả nước); Tây Nam Bộ và Tây Nguyên tỷ lệ bỏ học cao (cao hơn tỷ lệ chung của cả nước). Tất cả các dân tộc đều có học sinh bỏ học và tỷ lệ bỏ học khác nhau giữa các dân tộc. Thông tin từ

báo cáo của 32 tỉnh vùng DTTS và miền núi cho thấy, hầu hết các DTTS đều có học sinh bỏ học. Song tỷ lệ học sinh bỏ học cao (với số lượng trên 10 học sinh/năm). Trong năm học 2018-2019, toàn vùng DTTS có 2.006.189 học sinh bỏ học, trong đó có 7276 học sinh THCS người DTTS bỏ học. Đặc biệt, vừa qua sau đợt nghỉ tết nguyên đán hàng loạt học sinh THCS ở các huyện miền núi tỉnh Nghệ An đồng loạt bỏ học. Theo thống kê của Phòng Giáo dục huyện Kỳ Sơn, có 154 học sinh THCS tại Kỳ Sơn nghỉ học sau kỳ nghỉ Tết, trong đó có 70 em đi làm công ty, 57 em lấy vợ, lấy chồng, tập trung chủ yếu ở lứa tuổi 14-15. Cụ thể, trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở (PTDTBT THCS) Na Ngoi có 21 học sinh, trường PTDTBT THCS Mường Lống có 20 em, các trường PTDTBT THCS Nậm Típ, PTDTBT THCS Chiêu Lưu, PTDTBT THCS Huồi Tụ có lần lượt là 18, 17 và 16 học sinh bỏ học. Năm học 2022-2023, Trường THCS Hương Lâm (xã Hương Lâm), Hà Tĩnh có 12 em học sinh có nguy cơ bỏ học. Toàn huyện Hương Khê có 12 trường học bậc THCS, trong đó có 4 trường xuất hiện tình trạng học sinh nguy cơ bỏ học (THCS Hương Lâm, THCS Phú Gia, THCS Hương Giang, THCS Hòa Hải) với số lượng 36 em. Theo thống kê của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk, từ năm học 2018 đến học kỳ 1 của năm học 2022-2023, toàn tỉnh Đắk Lắk có 9.793 em học sinh bỏ học. Tại tỉnh Đắk Nông, trong năm học 2021-2022, tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng lại có chiều hướng tăng, chủ yếu là học sinh con em DTTS ở các vùng sâu, vùng xa, tập trung ở các trường thuộc huyện Đắk Glong lên đến 200 em. Điển hình như Trường THCS Đắk Nang ở xã Đắk Som có 50 học sinh bỏ học; Trường THCS Quảng Hòa ở xã Quảng Hòa có 30 em bỏ học; Trường THCS Hoàng Văn Thụ có 26 em bỏ học...

Có thể thấy, tình trạng học sinh bỏ học nói chung, học sinh DTTS bỏ học nói riêng dẫn đến rất nhiều hệ lụy, các em thiếu kiến thức... dẫn đến các hành vi lệch lạc, không đúng chuẩn mực, dễ sa vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, nghiện hút... Ngoài ra, các em không có điều kiện tham gia vào các công việc đòi hỏi kỹ thuật cao mà chỉ làm các công việc lao động chân tay đơn giản, hiệu quả và thu nhập thấp... Do đó, con đường tương lai của các em gặp nhiều khó khăn... Vì vậy việc nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh vùng dân tộc thiểu số và gợi ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục vùng DTTS là rất cần thiết, góp phần giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh vùng DTTS ở nước ta hiện nay.

4.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, yếu tố gia đình là nhân tố đầu tiên có ảnh hưởng rất lớn đến tình trạng bỏ học của học sinh vùng DTTS. Có thể thấy, sự nhận thức của cha mẹ về giáo dục sẽ là yếu tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng trực tiếp đến việc đi học và kết quả học tập của con cái. Đây được coi là nguyên nhân căn bản nhất trong việc tiếp tục cho trẻ tiếp tục tới trường hay không. Thực tế đã chứng minh, nếu cha mẹ có trình độ học vấn cao thì họ có nhận thức tốt hơn, đầy đủ hơn về giá trị của giáo dục. Từ đó, họ có những định hướng và quan tâm đến việc học các con của họ hơn so với các gia đình với các gia đình có trình độ học vấn ở mức thấp hơn, họ chưa có nhận thức tốt về giá trị của giáo dục. Những gia đình có bố mẹ nhận thức tốt về giá trị của giáo dục, thì cho dù hoàn cảnh gia đình khó khăn họ vẫn cố gắng tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con của họ tới trường. Kết quả của các công trình nghiên cứu cho thấy, học vấn của cha mẹ cũng được nhận định là nguyên nhân bỏ học của nhiều học sinh hiện nay ở các vùng núi. Nghiên cứu về tình trạng học sinh bỏ học sau tết Nguyên Đán ở Nghệ An và một số tỉnh, thành khác đã chỉ ra một trong những nguyên nhân bỏ học của học sinh là do trình độ học vấn của cha mẹ còn thấp, họ chưa nhận thức được sự cần thiết của việc học, cha mẹ chỉ nghĩ đến lợi ích trước mắt mà thiếu tầm nhìn lâu dài cho thế hệ tương lai, thiếu sự hy sinh, lo lắng cho đàn con của mình, dẫn đến tình trạng con em họ bỏ học để phụ giúp gia đình. Nguyên nhân khiến học sinh chán học là do cha mẹ thiếu sự quan tâm đến việc học của con cái, thiếu sự định hướng của cha mẹ trong việc trẻ gặp khó khăn khi học tập, bởi người mẹ chính là sự giáo dục đầu tiên của con cái của mình. Nhiều gia đình đã để con cái của mình tham gia vào quá trình lao động để phụ giúp gia đình trong sản xuất, không có thời gian tự học và ngắt quãng bài học dẫn đến học kém, nên chán học.

Thứ hai, yếu tố bản thân học sinh đã ảnh hưởng rất mạnh mẽ đối với việc đến trường của các em. Yếu tố tự thân là nhân tố có tính quyết định đến sự thành công trong học tập của mỗi cá nhân, khi trẻ chán học, không có ý chí muốn cố gắng học cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc không thích đi học, sẽ luôn có suy nghĩ bỏ học. Theo khảo sát đối với học sinh bỏ học sớm thì ngoài những nguyên nhân như hoàn cảnh gia đình, còn có thêm những nguyên nhân khác như: do ham chơi nên nghỉ học, do học kém nên bỏ học, bỏ học theo bạn bè, bị bắt nạt khi đi học, do giáo viên thiếu thân thiện... Theo kết quả khảo sát các giáo viên Trường THCS Phú Gia, Trường THCS Hương Khê (Hà Tĩnh) dù học sinh nghỉ học để đi làm thuê nhưng qua tìm hiểu thì gia đình các em không quá khó khăn, phụ huynh

vẫn mong muốn và tạo điều kiện cho các em đi học. Tuy nhiên, có thể do học sinh ở lứa tuổi trung học cơ sở còn thiếu ý thức học tập, dẫn tới kết quả học yếu, kém, nên các em ngại đi học, chán học.

Thứ ba, yếu tố xã hội cũng là nhân tố tác động đến tình trạng bỏ học của học sinh vùng DTTS. Vấn đề nghèo đói và việc làm của cũng là yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh. Đây là hai yếu tố có tác động lớn đến yếu tố tâm lý của học sinh và phụ huynh vùng DTTS. Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra, có rất nhiều gia đình kinh tế khó khăn, lại đông con, nên họ đã lựa chọn cho con nghỉ học để giảm chi phí học tập. Nhiều gia đình cho dù rất muốn con em mình tới trường, nhưng do hoàn cảnh của họ quá khó khăn, bố mẹ ốm đau bệnh tật quanh năm, thiếu lao động sản xuất nên con em họ buộc phải bỏ học để giúp đỡ gia đình. Đặc biệt là đối với gia đình vùng DTTS không có nguồn thu nhập ổn định, cuộc sống khó khăn, vất vả. Thu nhập của gia đình có vai trò rất quan trọng trong quyết định đầu tư vào giáo dục của gia đình. Đối với trẻ em ở nông thôn hay vùng nghèo phải đi làm kiếm tiền hay làm việc nhà. Họ không có nhiều thời gian để đi học. Ngoài ra, vấn đề thu nhập cũng quyết định cha mẹ có đủ điều kiện để cho con cái đi học hay không vì điều này sẽ khuyến khích con cái họ đi học.

Mặt khác, nhiều gia đình ở vùng DTTS đã đầu tư cho con em mình đi học, họ vay mượn để cho con có cơ hội đến trường, nhưng sau khi con cái của họ tốt nghiệp ra trường lại không tìm được việc làm ổn định, vẫn phải về quê làm công nhân, làm nông nghiệp cùng bố mẹ, nên họ sẽ không tiếp tục cho các con em tiếp theo của họ đi học.

Tại Hội thảo tham vấn, góp ý Báo cáo “Tình hình bỏ học của học sinh DTTS cấp THCS giai đoạn 2016-2019” do Hội đồng Dân tộc của Quốc hội tổ chức tháng 1/2020, đại biểu đến từ các bộ, ngành, các chuyên gia, nhà khoa học khẳng định, học sinh DTTS bỏ học vẫn đang là vấn đề nan giải, trong các nguyên nhân đã được chỉ ra thì còn có nguyên nhân tuyên truyền, vận động nhiều nơi chưa tốt; vai trò định hướng, giáo dục, sự quan tâm của gia đình, nhà trường cần được phát huy hơn nữa. Để thực hiện có hiệu quả cần phải đánh giá kỹ nguyên nhân, tìm ra giải pháp thấu đáo để giải quyết tình trạng này. Tuy nhiên, một thực tế là hầu hết tình trạng trên xảy ra ở đồng bào Mông, trình độ nhận thức chưa cao, các hủ tục lạc hậu như bắt vợ, tảo hôn còn khá phổ biến... Mặc dù, tình trạng tảo hôn của người DTTS có sự cải thiện đáng kể, tỷ lệ tảo hôn vẫn ở mức cao tại những vùng tập trung nhiều đồng bào DTTS sinh sống như Tây Nguyên với hơn 1/4 số người bước vào hôn nhân khi chưa đủ tuổi

kết hôn (27,5%), tiếp đó là Trung du và miền núi phía Bắc (24,6%). Mặt khác, phần lớn bà con sinh sống ở các bản làng vùng cao, vùng xa, biệt lập, giao thông đi lại khó khăn, trong khi đó tình trạng trên thường xảy ra. Thực tế cho thấy ở tỉnh Nghệ An vừa qua, trong số 154 học sinh THCS bỏ học, có đến 57 em học sinh nghỉ học để lấy vợ, lấy chồng... Điều đó cho thấy, tình trạng tảo hôn vẫn còn diễn ra ở vùng DTTS hiện nay.

4.3. Gợi ý một số chính sách nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục, giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh vùng DTTS, bài viết đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, Phòng giáo dục các huyện vùng dân tộc thiểu số cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giá trị giáo dục trong cộng đồng. Cần tuyên truyền vận động cho các hộ gia đình thấy được tầm quan trọng của giáo dục ngày nay cũng như khả năng kiếm được tiền nhờ giáo dục. Các trường THCS cần làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cha mẹ học sinh về vai trò và trách nhiệm của gia đình đối với giáo dục trẻ em. Phối hợp và tạo mối quan hệ mật thiết, thường xuyên với phụ huynh học sinh trong việc giáo dục học sinh để kịp thời nắm bắt tâm tư của học sinh. Để hạn chế tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng thì việc nâng cao nhận thức, dân trí vẫn là then chốt. Vấn đề học sinh bỏ học không còn chỉ là trách nhiệm của ngành Giáo dục mà cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

Thứ hai, nâng cao đời sống mọi mặt của đồng bào DTTS; tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội để nâng cao đời sống cho đồng bào các DTTS, làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo phát triển kinh tế cho vùng DTTS, đầu tư xây dựng các điểm trường học tại các khu dân cư xa điểm trường chính; giao thông đi lại thuận lợi, tạo điều kiện tốt nhất để thu hút các em tới trường, khoảng cách từ nhà đến trường tiểu học và THCS gần nhất của đồng bào DTTS lần lượt là 2,2 km và 3,7 km. Tuy nhiên, khoảng cách đến trường THPT vẫn tương đối xa. Học sinh THPT của các hộ DTTS cần di chuyển trung bình 10,9 km để đến trường. Mặc dù, khoảng cách từ nhà đến trường THPT của dân tộc Ô Đu và Rơ Măm đã giảm đáng kể so với năm 2015, giảm lần lượt là 18 km và 15 km nhưng học sinh THPT của các hộ thuộc hai nhóm dân tộc này hiện vẫn phải di chuyển quãng đường rất xa mới có thể đến trường, tương ứng là 52,2 km và 44,3 km. Như vậy, các dân tộc thiểu số còn khá nhiều hạn chế trong

việc tiếp cận các cơ sở cung cấp dịch vụ về giáo dục. Điều này sẽ cản trở việc đến trường của con em vùng DTTS ở nước ta hiện nay.

Thứ ba, thực hiện tốt chính sách kế hoạch hóa gia đình, xóa bỏ tình trạng tảo hôn tại các vùng DTTS. Một trong những nguyên nhân bỏ học của học sinh THCS vùng DTTS ở nước ta hiện nay là bỏ học để lấy chồng. Tỷ lệ tảo hôn của người DTTS năm 2018 là 21,9%. So với năm 2014, tỷ lệ tảo hôn giảm 4,7 điểm phần trăm, tức giảm trung bình hơn 1%/năm, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu “giảm bình quân 2%-3%/năm số cặp tảo hôn” theo Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2020. Dân tộc Mông có tỷ lệ tảo hôn cao nhất với 51,5% dân số kết hôn trước tuổi quy định, tiếp đến là dân tộc Cơ Lao (47,8%), Mảng (47,2%), Xinh Mun (44,8%). Một số dân tộc có tỷ lệ tảo hôn thấp (dưới 7%) như: Hoa, Tày, Thổ, Si La... Kết quả điều tra tình hình kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019 cho thấy, chỉ có 1,1% người DTTS tảo hôn có trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong khi tỷ lệ này ở những người không tảo hôn cao gấp gần 18 lần (18,8%); 31/53 DTTS có tình trạng 100% số người tảo hôn không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Vì vậy, cần có các chính sách nhằm nâng cao trình độ văn hoá, xóa bỏ tình trạng tảo hôn tại các vùng DTTS, từ đó góp phần giảm thiểu các hủ tục lạc hậu trong vùng đồng bào DTTS trong đó có tình trạng tảo hôn. Vì vậy, để ngăn chặn tình trạng bỏ học của học sinh Trung học cơ sở vùng DTTS ở nước ta hiện nay, chúng ta cần phải làm tốt công tác tảo hôn ở vùng DTTS.

Thứ tư, tạo cơ hội việc làm ổn định cho con em vùng DTTS. Việc làm là vấn đề thiết yếu của phần đông dân số nói chung và đối với người DTTS nói riêng, không chỉ đem lại thu nhập mà còn đem lại nhiều lợi ích khác như giảm nghèo, cân bằng cuộc sống, góp phần tạo dựng những chuyển đổi tích cực trong xã hội. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra tình hình kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019 thì đa số lao động có việc làm của các dân tộc này là “Lao động gia đình” không được trả lương, trả công và “Tự làm” - nhóm các công việc yếu thế, không ổn định và hầu hết không có bảo hiểm xã hội. Vì vậy, đặc biệt cần có chính sách ưu tiên tuyển dụng các em sinh viên vùng DTTS tốt nghiệp ra trường về công tác tại địa phương, giúp các em có việc làm ổn định sau khi tốt nghiệp ra trường, tạo động lực để người dân tộc thiểu số yên tâm đầu tư cho con em họ tiếp tục tới trường và theo học ở các cấp học cao hơn.

Thứ năm, Nhà nước cần tiếp tục ban hành những chính sách ưu tiên cho con em vùng DTTS nói

chung và đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nói riêng, tiếp tục thực hiện hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ các khoản đóng góp khác để các em có cơ hội tiếp tục tới trường.

5. Thảo luận

Có thể nói, hiện tượng học sinh bỏ học nói chung, tình trạng bỏ học của học sinh người DTTS cấp THCS nói riêng là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu thấu đáo, đây là nhiệm vụ quan trọng không chỉ của riêng ngành giáo dục mà là của cả hệ thống chính trị và xã hội. Vì vậy, cả hệ thống chính trị, nhà trường, gia đình và cá nhân học sinh phải cùng đồng tâm, hiệp lực, phát huy tinh thần trách nhiệm cao, đặc biệt chúng ta cần quan tâm hơn đến vấn đề phát triển giáo dục trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới hiện nay. Bởi đây chính là nguồn nhân lực, là chủ thể, là nội lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi. Do vậy, để góp phần giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh THCS vùng DTTS và nâng cao chất lượng giáo dục chúng ta cần làm tốt một số nội dung như: cần có cơ chế, chính sách cho học sinh người DTTS, học sinh vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trong đó tập trung vào những vấn đề ưu tiên chủ yếu như học phí; trường, lớp; chương trình, nội dung, phương pháp... phù hợp với đặc thù học sinh người DTTS sinh sống và học tập tại vùng DTTS và miền núi. Có như vậy, chúng ta mới giảm thiểu được tình trạng bỏ học của học sinh người DTTS, góp phần giảm thiểu được hệ lụy kéo theo khi học sinh người DTTS bỏ học.

6. Kết luận

Nhìn chung, qua kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng bỏ học của học sinh THCS vùng DTTS đang còn rất cao. Tất cả các DTTS (53 dân tộc) đều có học sinh THCS bỏ học và tỷ lệ HS bỏ học khác nhau giữa các dân tộc (tộc người) và cũng khác nhau trong cùng một dân tộc nhưng định cư ở vùng kinh tế - xã hội khác nhau. Vì vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS nói chung và đối với việc giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh THCS vùng DTTS nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng và là một quá trình lâu dài và có nhiều khó khăn, thách thức của toàn hệ thống chính trị, xã hội, là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và của bản thân người học. Song, đây cũng là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu cần tập trung thực hiện thật tốt các giải pháp, chính sách ưu tiên cho phát triển giáo dục, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho vùng DTTS và miền núi phát triển một cách bền vững. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải thực hiện nhiều giải pháp, với sự nỗ lực của mọi cấp, mọi ngành, nhất là sự phấn đấu tự vươn lên của đồng bào các DTTS.

Tài liệu tham khảo

- Bình, P. T. (1992). Về nguyên nhân và biện pháp chống bỏ học. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 242, tr.31-32.
- Đà, H. Đ. (2018). Đổi mới chế độ cử tuyển đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tại chỗ người dân tộc thiểu số. *Tạp chí Giáo dục*, số tháng 4.
- Đà, H. Đ. (2019). Phân luồng sau Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số. *Kỷ yếu Hội nghị Tổng kết Nghị quyết 24/NQ- TW về Công tác Dân tộc*.
- Hiền, N. (2022, 1/4). Thực hiện đồng bộ các giải pháp ngăn dòng học sinh bỏ học. *Báo điện tử Đất Nông*.
- Hùng, H. T. (1992). Vấn đề lưu ban, bỏ học ở Thành Phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 242, tr.11-12.
- Huyền, L. T. (2023, 6/3). Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị. *Trang thông tin điện tử Trường Chính trị Lê Duẩn, tỉnh Quảng Trị*.
- Lài, H. (2023, 10/3). Học sinh bỏ học tăng đột biến sau Tết tại Nghệ An. *Báo Giáo dục Thủ đô*.
- Minh, Đ. V. (1992). *Khảo sát tình hình lưu ban, bỏ học của học sinh hai trường vùng ven Thành phố Hồ Chí Minh*. Viện Nghiên cứu Giáo dục.
- Minh, N. (2023, 5/3). Nhiều học sinh ở miền núi Nghệ An nghỉ học để...lập gia đình. *Vov.vn*.
- Tâm, L. C. (2017, 12/6). Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh tại tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Công thương điện tử*.
- Ủy ban Dân tộc. (2019). *Báo cáo kết quả điều tra tình hình kinh tế-xã hội của 53 DTTS năm 2019*.
- Vân, L. B. (2015). *Một số giải pháp nâng cao ý thức học tập và giảm tỉ lệ bỏ học trong học sinh, sinh viên, Sáng kiến kinh nghiệm*. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang.
- Yên, T. T. (2020). Nghiên cứu học sinh người dân tộc thiểu số cấp Trung học cơ sở bỏ học: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Nghiên cứu Lý luận*, số 27(tháng 3).

NHẬN DIỆN MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH TRẠNG BỎ HỌC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Ngô Thị Trinh^a
Trần Ngọc Ngân^b

^aHọc viện Dân tộc

Email: trinhnt@hvdt.edu.vn

^bHọc viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Email: nganhvct683@gmail.com

Nhận bài: 24/5/2023; Phản biện: 20/7/2023; Tác giả sửa: 07/8/2023; Duyệt đăng: 25/8/2023; Phát hành: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/187>

Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh Trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cung cấp những căn cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở đề xuất các giải pháp, đưa ra các kiến nghị đối với Chính phủ, Bộ, ngành và các địa phương nhằm giảm thiểu tình trạng bỏ học của học sinh trung học cơ sở người dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đặt ra trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Nhận diện; Yếu tố ảnh hưởng; Tình trạng bỏ học; Dân tộc thiểu số; Học sinh Trung học cơ sở; Vùng dân tộc thiểu số.